



LISTENING CHALLENGE 23

CAM 18 – TEST 2 - PART 3 – Listening

PART 3 – Questions 21–30

Questions 21–24

Choose the correct letter, A, B or C.

21. Why do the students think the Laki eruption of 1783 is so important?

- A. It was the most severe eruption in modern times.
- B. It led to the formal study of volcanoes.
- C. It had a profound effect on society.

22. What surprised Adam about observations made at the time?

- A. the number of places producing them
- B. the contradictions in them
- C. the lack of scientific data to support them

23. According to Michelle, what did the contemporary sources say about the Laki haze?

- A. People thought it was similar to ordinary fog.
- B. It was associated with health issues.
- C. It completely blocked out the sun for weeks.

24. Adam corrects Michelle when she claims that Benjamin Franklin

- A. came to the wrong conclusion about the cause of the haze.
- B. was the first to identify the reason for the haze.
- C. supported the opinions of other observers about the haze.

Questions 25 and 26

Choose TWO letters, A–E.

25–26. Which TWO issues following the Laki eruption surprised the students?

- A. how widespread the effects were
- B. how long-lasting the effects were
- C. the number of deaths it caused
- D. the speed at which the volcanic ash cloud spread
- E. how people ignored the warning signs



Questions 27–30

Choose **FOUR** answers from the box and write the correct letter, A–F, next to Questions 27–30.

What comment do the students make about the impact of the Laki eruption on the following countries?

Comments

- A. This country suffered the most severe loss of life.
- B. The impact on agriculture was predictable.
- C. There was a significant increase in deaths of young people.
- D. Animals suffered from a sickness.
- E. This country saw the highest rise in food prices in the world.
- F. It caused a particularly harsh winter.

Countries

27. Iceland

28. Egypt

29. UK

30. USA





ANSWER KEY

Questions 21–24

- 21. C
- 22. A
- 23. B
- 24. B

Questions 25 & 26

A, B (IN EITHER ORDER)

Questions 27–30

- 27. D
- 28. A
- 29. C
- 30. F

DỊCH SONG NGỮ TRANSCRIPT

ENGLISH	VIETNAMESE
ADAM: So, Michelle, shall we make a start on our presentation ? We haven't got that much time left .	ADAM: Vậy Michelle, chúng ta bắt đầu bài thuyết trình nhé? Chúng ta không còn nhiều thời gian đâu.
MICHELLE: No, Adam. But at least we've done all the background reading . I found it really interesting – I'd never even heard of the Laki eruption before this.	MICHELLE: Không đâu Adam. Nhưng ít nhất thì chúng ta đã làm xong phần đọc nền tảng . Mình thấy rất thú vị – trước đây mình thậm chí còn chưa từng nghe về vụ phun trào Laki .
ADAM: Me neither. I suppose 1783 is a long time ago.	ADAM: Mình cũng vậy. Mình đoán là năm 1783 thì đã khá xa rồi.
MICHELLE: But it was a huge eruption and it had such devastating consequences .	MICHELLE: Nhưng đó là một vụ phun trào khổng lồ và gây ra những hậu quả tàn khốc .
ADAM: I know. It was great there were so many primary sources to look at.	ADAM: Ừ. Thật tuyệt khi có rất nhiều tư liệu gốc để nghiên cứu.
It really gives you a sense of how catastrophic the volcano was . People were really trying to make sense of the science for the first time.	Điều đó thực sự giúp bạn cảm nhận được mức độ thảm khốc của núi lửa . Mọi người lúc đó thực sự đang cố gắng hiểu khoa học lần đầu tiên .
MICHELLE: That's right. But what I found more significant was how it impacted directly and indirectly on political events, as well as having massive social and economic consequences. (Q21)	MICHELLE: Đúng vậy. Nhưng điều mình thấy quan trọng hơn là cách nó tác động trực tiếp và gián tiếp đến các sự kiện chính trị, cũng như gây ra những hậu quả xã hội và kinh tế to lớn. (Q21)

ENGLISH	VIETNAMESE
ADAM: I know. That should be the main focus of our presentation.	ADAM: Mình biết. Đó nên là trọng tâm chính của bài thuyết trình.
MICHELLE: The observations made by people at the time were interesting, weren't they?	MICHELLE: Những quan sát của người dân thời đó thật thú vị, phải không?
I mean, they all gave a pretty consistent account of what happened, even if they didn't always use the same terminology.	Ý mình là họ đưa ra những tường thuật khá nhất quán về những gì đã xảy ra, dù không phải lúc nào cũng dùng cùng thuật ngữ.
ADAM: Yeah. I was surprised there were so many weather stations established by that time. (Q22) – so, you know, you can see how the weather changed, often by the hour.	ADAM: Ừ. Mình ngạc nhiên là thời đó đã có rất nhiều trạm khí tượng được thiết lập. (Q22) – nên bạn có thể thấy thời tiết thay đổi, thậm chí theo từng giờ.
MICHELLE: Right. Writers at the time talked about the Laki haze to describe the volcanic fog that spread across Europe.	MICHELLE: Đúng vậy. Các tác giả thời đó nói về làn sương mù Laki để mô tả lớp sương núi lửa lan khắp châu Âu.
They all realised that this wasn't the sort of fog they were used to and of course this was pre-industrial times – so they hadn't experienced sulphur-smelling fog before.	Họ đều nhận ra rằng đây không phải loại sương mù quen thuộc, và dĩ nhiên lúc đó là thời kỳ tiền công nghiệp – nên họ chưa từng trải qua sương mù mùi lưu huỳnh như vậy.
ADAM: No, that's true.	ADAM: Đúng thế.
MICHELLE: Reports from the period blamed the haze for an increase in headaches, respiratory issues and asthma attacks. (Q23)	MICHELLE: Các báo cáo thời kỳ đó quy trách nhiệm cho làn sương mù gây ra sự gia tăng các cơn đau đầu, vấn đề hô hấp và các cơn hen suyễn. (Q23)
And they all describe how it covered the sun and made it look a strange red colour.	Và tất cả đều mô tả cách nó che phủ mặt trời và khiến mặt trời có màu đỏ lạ thường.
ADAM: Must have been very weird.	ADAM: Hẳn là rất kỳ lạ.
MICHELLE: It's interesting that Benjamin Franklin wrote about the haze . Did you read that?	MICHELLE: Thật thú vị khi Benjamin Franklin đã viết về làn sương mù này . Bạn có đọc không?
He was the American ambassador in Paris at the time.	Lúc đó ông là đại sứ Mỹ tại Paris.
ADAM: Yeah. At first no one realised that the haze was caused by the volcanic eruption in Iceland.	ADAM: Ừ. Ban đầu không ai nhận ra làn sương mù này do vụ phun trào núi lửa ở Iceland gây ra.
MICHELLE: It was Benjamin Franklin who realised that before anyone else. (Q24)	MICHELLE: Chính Benjamin Franklin là người nhận ra điều đó trước bất kỳ ai khác. (Q24)
ADAM: He's often credited with that, apparently. But a French naturalist beat him to it. (Q24)	ADAM: Ông thường được ghi công cho điều đó, nhưng thực ra một nhà tự nhiên học người Pháp đã phát hiện ra trước. (Q24)
MICHELLE: Oh dear – I can't remember his name.	MICHELLE: Ôi – mình không nhớ tên ông ấy.

ENGLISH	VIETNAMESE
ADAM: We should talk about the immediate impact of the eruption, which was obviously enormous — especially in Iceland.	ADAM: Chúng ta nên nói về tác động tức thì của vụ phun trào, rõ ràng là rất lớn — đặc biệt là ở Iceland.
MICHELLE: Mmm. You'd expect that — and the fact that the volcanic ash drifted so swiftly — but not that the effects would go on for so long.	MICHELLE: Ừm. Điều đó thì có thể đoán được — và việc tro núi lửa lan nhanh như vậy — nhưng không ngờ là các tác động lại kéo dài lâu đến thế.
Or that two years after the eruption, strange weather events were being reported as far away as North America and North Africa. (Q25/26)	Hoặc là hai năm sau vụ phun trào, các hiện tượng thời tiết kỳ lạ vẫn được ghi nhận ở tận Bắc Mỹ và Bắc Phi. (Q25/26)
ADAM: No. I found all that hard to believe.	ADAM: Ừ. Mình cũng thấy khó tin.
MICHELLE: It must have been terrible — and there was nothing anyone could do about it, even if they knew the ash cloud was coming in their direction.	MICHELLE: Hẳn là rất khủng khiếp — và không ai có thể làm gì được, ngay cả khi họ biết đám mây tro đang tiến về phía mình.
MICHELLE: We should run through some of the terrible consequences of the eruption experienced in different countries.	MICHELLE: Chúng ta nên đi qua một số hậu quả khủng khiếp của vụ phun trào ở các quốc gia khác nhau.
ADAM: There's quite a varied range . Starting with Iceland, where the impact on farming was devastating.	ADAM: Có một phạm vi ảnh hưởng rất đa dạng . Bắt đầu với Iceland, nơi tác động lên nông nghiệp là vô cùng nghiêm trọng.
MICHELLE: One of the most dramatic things there was the effect on livestock as they grazed in the fields.	MICHELLE: Một trong những điều nghiêm trọng nhất là tác động lên gia súc khi chúng chăn thả trên đồng cỏ.
They were poisoned because they ate vegetation that had been contaminated with fluorine as a result of the volcanic fallout. (Q27)	Chúng bị đầu độc vì ăn phải thực vật bị nhiễm fluor do tro núi lửa. (Q27)
ADAM: That was horrible.	ADAM: Thật khủng khiếp.
MICHELLE: In Egypt, the bizarre weather patterns led to a severe drought , and as a result the Nile didn't flood, which meant the crops all failed.	MICHELLE: Ở Ai Cập, các kiểu thời tiết kỳ lạ đã dẫn đến hạn hán nghiêm trọng , và kết quả là sông Nile không ngập, khiến mùa màng thất bại.
It's so far from where the eruption happened and yet the famine there led to more people dying than any other country. (Q28)	Dù rất xa nơi xảy ra vụ phun trào, nạn đói ở đó lại khiến số người chết nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào khác. (Q28)
ADAM: OK. Then in the UK, the mortality rate went up a lot — presumably from respiratory illnesses.	ADAM: Được. Sau đó ở Anh, tỷ lệ tử vong tăng mạnh — có lẽ do các bệnh về hô hấp.
MICHELLE: According to one report it was about double the usual number and included an unusually high percentage of people under the age of 25. (Q29)	MICHELLE: Theo một báo cáo, con số này gấp đôi bình thường và bao gồm tỷ lệ bất thường người dưới 25 tuổi. (Q29)

ENGLISH	VIETNAMESE
ADAM: Mmm. I think people will be surprised to hear that the weather in the USA was badly affected too.	ADAM: Ừm. Mình nghĩ mọi người sẽ ngạc nhiên khi biết rằng thời tiết ở Mỹ cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
George Washington even makes a note in his diary that they were snowbound until March in Virginia.	George Washington thậm chí còn ghi trong nhật ký rằng Virginia bị tuyết bao phủ cho đến tận tháng Ba.
MICHELLE: And there was ice floating down the Mississippi, which was unprecedented. (Q30)	MICHELLE: Và còn có băng trôi trên sông Mississippi, điều chưa từng có tiền lệ. (Q30)
ADAM: Astonishing, really.	ADAM: Thật đáng kinh ngạc.

VOCABULARY LIST

Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
make a start on	/meɪk ə stɑ:t ɒn/	phr	bắt đầu (một việc gì)	begin	finish
background reading	/'bækgraʊnd 'ri:ɪŋ/	n	tài liệu đọc nền	preparatory reading	–
huge eruption	/hju:dʒ ɪ'rʌpʃən/	n	vụ phun trào lớn	massive eruption	minor eruption
devastating consequences	/'devəsteɪtɪŋ 'kɒnsɪkwənsɪz/	n	hậu quả tàn khốc	disastrous effects	negligible effects
primary sources	/'praɪməri 'sɔ:sɪz/	n	nguồn tư liệu gốc	original records	secondary sources
catastrophic	/'kætə'strɒfɪk/	adj	mang tính thảm họa	disastrous	harmless
make sense of	/meɪk sens əv/	phr	hiểu, lý giải	understand	misunderstand
impact directly and indirectly	/'ɪmpækt də'rektli ænd 'ɪndə'rektli/	phr	tác động trực tiếp và gián tiếp	influence	–
political events	/pə'lɪtɪkəl ɪ'vents/	n	các sự kiện chính trị	political affairs	–
social and economic consequences	/'səʊʃəl ænd 'i:kə'nɒmɪk 'kɒnsɪkwənsɪz/	n	hậu quả xã hội và kinh tế	socio-economic effects	–
main focus	/meɪn 'fəʊkəs/	n	trọng tâm chính	central theme	side issue
consistent account	/kən'sɪstənt ə'kaʊnt/	n	tường thuật nhất quán	coherent report	contradictory account

Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
terminology	/ˌtɜːmɪˈnɒlədʒi/	n	thuật ngữ	technical language	–
weather stations	/ˈweðə ˈsteɪʃənz/	n	trạm khí tượng	meteorological stations	–
established	/ɪˈstæblɪʃt/	v	được thành lập	set up	dismantled
pre-industrial times	/ˌpriː ɪnˈdʌstriəl taɪmz/	n	thời kỳ tiền công nghiệp	–	–
sulphur-smelling fog	/ˈsʌlfə ˈsmelɪŋ fɒɡ/	n	sương mù mùi lưu huỳnh	toxic fog	–
blame something for	/bleɪm ˈsʌmθɪŋ fɔː/	v	đổ lỗi cho	attribute to	absolve
respiratory issues	/rɪˈspɪrətɪ ˈɪʃuːz/	n	vấn đề hô hấp	breathing problems	–
asthma attacks	/ˈæsmə əˈtæks/	n	cơn hen suyễn	asthma episodes	–
credited with	/ˈkredɪtɪd wɪð/	phr	được ghi công	acknowledged for	–
beat someone to it	/bi:t ˈsʌmwʌn tuː ɪt/	idiom	làm trước ai đó	get there first	–
immediate impact	/ɪˈmiːdiət ˈɪmpækt/	n	tác động tức thì	instant effect	long-term impact
go on for so long	/gəʊ ɒn fə səʊ lɒŋ/	phr	kéo dài rất lâu	persist	end quickly
strange weather events	/streɪndʒ ˈweðə ɪˈvents/	n	hiện tượng thời tiết lạ	abnormal weather	normal climate
as far away as	/əz fɑːr əˈweɪ əz/	phr	xa đến tận	even in	–
terrible consequences	/ˈterəbl ˈkɒnsɪkwənsɪz/	n	hậu quả khủng khiếp	severe effects	–
varied range	/ˈveəriəd reɪndʒ/	n	phạm vi đa dạng	wide spectrum	limited range
impact on farming	/ˈɪmpækt ɒn ˈfɑːmɪŋ/	n	tác động lên nông nghiệp	agricultural impact	–
livestock	/ˈlaɪvstɒk/	n	gia súc	farm animals	–
graze in the fields	/greɪz ɪn ðə fiːldz/	phr	chăn thả trên đồng	pasture	–
contaminated	/kənˈtæmɪneɪtɪd/	adj	bị nhiễm độc	polluted	clean



Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
volcanic fallout	/vɒl'kænɪk 'fɔ:lɔ:t/	n	tro bụi núi lửa rơi xuống	ash deposition	–
severe drought	/sɪ'viə draʊt/	n	hạn hán nghiêm trọng	extreme drought	flood
crop failure	/krɒp 'feɪljə/	n	mất mùa	harvest loss	bumper crop
mortality rate	/mɔ:'tælɪti reɪt/	n	tỷ lệ tử vong	death rate	survival rate
unusually high percentage	/ʌn'ju:zuəli haɪ pə'sentɪdʒ/	n	tỷ lệ cao bất thường	abnormal proportion	–
unprecedented	/ʌn'presɪdɪntɪd/	adj	chưa từng có tiền lệ	unheard-of	common

